TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14-9-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng

Bà Nguyễn Thị Ninh

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số 77/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị H, sinh năm 1973; nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố X, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Khu C, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Ông Vũ Văn T, sinh năm 1967; nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố X, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Tổ dân phố N, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 03-6-2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đào Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 28-12-1996 tại UBND phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống, vợ, chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và xúc phạm lẫn nhau. Đến cuối năm 2014, mâu thuẫn trở lên trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ, chồng bất đồng về quan điểm sống, bất đồng về phát triển kinh tế gia đình, về cách nuôi dạy con cái, nghi ngờ nhau sống không chung thủy. Mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng. Bà và ông T đã sống ly thân 05 năm nay, không còn

quan tâm đến nhau. Nay, bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã thực sự trầm trọng, không thể khắc phục được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn ông T.

- Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là Vũ Văn C, sinh năm 1994. Anh C đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13-8-2020, bị đơn là ông T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà H tự nguyện kết hôn năm 1996. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, bà H sống không chung thủy, thiếu sự quan tâm đến gia đình, chồng, con. Sau khi phát sinh mâu thuẫn, bà H đã bỏ về bên ngoại ở tỉnh Hải Dương sinh sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Mặc dù, vợ, chồng đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không thành. Bà H đã bỏ đi 06 năm nay. Đến nay, ông và bà H vẫn sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay, bà H xin ly hôn, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên ông đồng ý ly hôn bà H.

- Về con chung: Ông và bà H có 01 con chung là Vũ Văn C, sinh năm 1994. Anh C đã thành niên và hiện đang làm C nhân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài liệu Tòa án xác minh, thu thập được xác định: Trong quá trình chung sống, ông T và bà H thường xuyên xảy ra bất đồng, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hòa thuận, hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã và xúc phạm lẫn nhau. Nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này là do bà H và ông T bất đồng về quan điểm sống, nghi ngờ nhau sống không chung thủy. Do mâu thuẫn vợ chồng nên bà H và ông T đã sống ly thân nhiều năm nay, không còn quan tâm đến nhau, không có trách nhiệm vợ chồng với nhau. Bà H và ông T có 01 con chung là Vũ Văn C, sinh năm 1994. Anh C đã thành niên và hiện đang làm C nhân.

Do bà H và ông T đều đề nghị không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt tại phiên họp nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, C khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời, thông báo kết quả phiên họp và sao gửi các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án xác minh, thu thập được cho bà H và ông T theo quy định tại khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự để bà H và ông T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu của bà H, cho bà H ly hôn ông T; về con chung đã thành niên và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn là ông Vũ Văn T, cư trú tại: Tổ dân phố N, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đào Thị H và bị đơn là ông T vắng mặt nhưng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về hôn nhân:

[3] Bà H và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân UBND phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 28-12-1996. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986.

[4] Bà H và ông T kết hôn từ năm 1996, chung sống hòa thuận đến khoảng cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Do bất đồng về quan điểm sống, nghi ngờ nhau sống không chung thủy nên giữa bà H và ông T thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Bà H và ông T đã sống ly thân hơn 05 năm nay, không còn quan tâm đến nhau, không có trách nhiệm vợ chồng đối với nhau. Bản thân ông T cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn bà H. Xét thấy, bà H và ông T đã không còn tình cảm với nhau; không thương yêu, quan tâm, chăm sóc và chung sống với nhau; không tôn trọng nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung là Vũ Văn C, sinh năm 1994. Anh C đã thành niên, có khả năng lao động để nuôi bản thân nên bà H và ông T không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đây là vụ án ly hôn, bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bà H và ông T không có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Đào Thị H được ly hôn ông Vũ Văn T.

2. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí tòa án số 0007108 ngày 23-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà H và ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Trọng Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ninh **Nguyễn Thị Hồng** **Vũ Trọng Đạt**